

PHỤ LỤC 01

BẢNG KÊ KHU, ĐIỂM QUY HOẠCH DÂN CƯ ĐÁU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI PHƯỜNG AN NHƠN ĐÔNG NĂM 2025 - ĐỢT 1

(Kèm theo Thông báo số 03 /TB-BQL ngày 29/8/2025 của Ban Quản lý Dịch vụ công ích và Phát triển quỹ đất phường An Nhơn Đông)

STT	Khu, điểm dân cư	Tổng số lô đất (thửa đất)	Diện tích (m2)	Tổng giá khởi điểm (đồng)
I	Khu dân cư phía Tây đường Chu Văn An: (Khu A)	1	130,40	1.721.280.000
II	Khu dân cư tiếp giáp với khu dân cư N4A nối dài về phía Tây	82	11.058,18	103.729.606.000
1	Khu NOLK01	30	4.254,43	40.312.446.000
2	Khu NOLK02	40	5.243,00	49.245.640.000
3	Khu NOLK03	12	1.560,75	14.171.520.000
III	Khu dân cư đường Tôn Thất Tùng nối dài về phía Đông	157	17.881,00	164.073.860.000
1	Khu LK07	42	5.574,60	53.182.560.000
2	Khu LK08	30	3.392,90	31.098.340.000
3	Khu LK09	60	6.198,00	54.943.720.000
4	Khu LK10	25	2.715,50	24.849.240.000
IV	Khu dân cư đường N4A nối dài về phía Đông tại phường Nhơn Hưng và xã Nhơn An	96	11.272,10	113.895.340.000
1	Khu LK05	28	3.466,60	42.435.360.000
2	Khu LK29	26	3.002,80	27.679.868.000
3	Khu LK30	42	4.802,70	43.780.112.000
V	Điểm dân cư khu vực Hoà Cư (Khu B)	3	470,90	3.240.600.000
VI	Khu dân cư khu vực Cẩm Văn	10	1.609,50	9.447.234.000
1	Khu B	2	325,00	2.182.200.000
2	Khu C	2	384,80	1.731.600.000
3	Khu E: Lô số 08	1	179,00	1.116.960.000
4	Khu F	2	301,70	1.882.368.000
5	Khu G	3	419,00	2.534.106.000

STT	Khu, điểm dân cư	Tổng số lô đất (thửa đất)	Diện tích (m2)	Tổng giá khởi điểm (đồng)
VII	Khu đất phía Tây tuyến đường liên xã thuộc khu trung tâm xã theo quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới, thôn Tân Dương, xã Nhơn An: (Khu A4)	1	224,40	1.400.256.000
VIII	Điểm TĐC phục vụ nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH41 tại xã Nhơn An	3	331,50	1.823.250.000
	TỔNG CỘNG	353	42.977,98	399.331.426.000